

PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

PHẠM QUANG TIẾN*
NGUYỄN THỊ HÒI**

1. Đặt vấn đề

Đến đầu thế kỷ XX, hệ thống đào tạo theo tín chỉ được áp dụng rộng rãi trong các trường đại học Hoa Kỳ, Nhật Bản, Philippin, Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Ấn Độ, Xênegan, Môđambích, Nigiêria, Uganda, Camorun... Ở Trung Quốc, từ cuối thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, hệ thống đào tạo theo tín chỉ cũng lần lượt được áp dụng ở nhiều trường đại học. Năm 1999, Liên minh châu Âu đã ký Tuyên ngôn Bologna nhằm hình thành Không gian Giáo dục đại học châu Âu thống nhất vào năm 2010 triển khai áp dụng học chế tín chỉ (ECTS) trong toàn hệ thống.

Ở Việt Nam, từ năm 1993, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương thực hiện đào tạo đại học theo tín chỉ trên cơ sở quy định trong Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020: *"Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển sang chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ở nước ngoài"*¹. Chủ trương này đã được cụ thể hóa trong Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 về *"Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ"*. Trong năm học 2008 – 2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức yêu cầu các trường đại học và cao đẳng *"chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ vào năm học 2009 –*

2010 hoặc muộn nhất là năm học 2010 – 2011". Cho đến nay, gần như tất cả các trường đại học và cao đẳng trên toàn quốc đã và đang chuyển đổi từ phương thức đào tạo theo niên chế (hoặc hỗn hợp niên chế + tín chỉ) sang phương thức đào tạo theo tín chỉ với nhiều mức độ khác nhau.

2. Giải thích thuật ngữ

Đào tạo theo tín chỉ là phương thức đào tạo lấy số tín chỉ làm thước đo đánh giá mức độ tích lũy kiến thức. Tín chỉ học tập là đơn vị quy chuẩn dùng để lượng hóa khối lượng kiến thức và khối lượng học tập, giảng dạy trong quy trình đào tạo. Tín chỉ là một đại lượng đo toàn bộ thời gian bắt buộc của một người học bình thường để học một môn học cụ thể, bao gồm: 1) thời gian lên lớp nghe giảng lý thuyết; 2) thời gian seminar, làm việc nhóm, làm việc ở trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc các phần việc khác đã được quy định ở thời khoá biểu; 3) thời gian dành cho đọc sách, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, viết bài tập hoặc chuẩn bị bài.... Tín chỉ cũng là đơn vị để đo lường tiến độ học tập của sinh viên – đánh giá dựa trên số lượng tín chỉ sinh viên đã tích lũy được.

Một tín chỉ được tính bằng 15 giờ tín chỉ. Một giờ tín chỉ tương đương với: 1 giờ học lý thuyết và 2 giờ chuẩn bị bài ở nhà, hoặc 2 giờ seminar và 1 giờ chuẩn bị bài ở nhà, hoặc 2 giờ làm việc nhóm và 1 giờ chuẩn bị bài ở nhà hoặc 3 giờ tự học ở nhà. Một giờ học tín chỉ được tính bằng 50 phút. Đào tạo theo tín chỉ không tổ chức theo năm học mà theo học kỳ. Một năm học có thể có 2-3 học kỳ. Mỗi chương trình đào tạo của một ngành học nhất

*TS. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

**PGS.TS. Đại học Luật Hà Nội.

định không tính theo năm mà tính theo sự tích lũy kiến thức của sinh viên, sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho một ngành học thì được cấp bằng tốt nghiệp đại học, được ra trường. Ví dụ, sinh viên Trường đại học Luật Hà Nội nếu tích lũy được 120 tín chỉ (chưa tính phần nội dung giáo dục quốc phòng – an ninh và giáo dục thể chất) thì được coi là hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp.

3. Tổ chức đào tạo

Trong đào tạo theo tín chỉ, sinh viên phải tự đăng ký lịch học, sinh viên không đăng ký sẽ không có lịch học, mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng, không trùng với sinh viên khác, vì thế, sinh viên có thể chủ động sắp xếp lịch học, thời khóa biểu của riêng mình. Để làm được việc đó, sinh viên phải nghiên cứu kỹ, nắm vững chương trình đào tạo của nhà trường, các học phần phải học trước, các học phần học song hành, phần kiến thức giáo dục đại cương, phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang tin điện tử của nhà trường, thời gian và cách vào mạng internet để đăng ký lịch học... Có như vậy, sinh viên mới có thể đăng ký lịch học của từng học kỳ cho phù hợp (phù hợp ở đây là phù hợp với quy định của nhà trường và phù hợp với sức học, quỹ thời gian và nguyện vọng của mỗi sinh viên). Sinh viên phải tự học các quy chế, quy tắc một cách thật nghiêm túc. Ưu điểm của cách tổ chức này là sinh viên có quyền lựa chọn không những các môn chính khóa của ngành được đào tạo mà còn có thể được đăng ký học thêm một số học phần tự chọn yêu thích hỗ trợ cho hướng phát triển ngành nghề sau này. Trong thời gian học chính khóa có thể học thêm ngoại ngữ, tin học.

Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau²:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Bên cạnh đó, sinh viên có thể rút bớt học phần đã đăng ký nếu nhận thấy không đủ điều kiện để học hết, song đương nhiên phải theo đúng quy định của nhà trường.

- Lớp học được gọi là lớp học phần trong học kỳ và chỉ được mở khi có một số lượng nhất định sinh viên đăng ký. Ví dụ, ở Trường đại học Luật Hà Nội, đối với các môn học lý thuyết thì lớp học của các học phần bắt buộc chỉ được mở khi có ít nhất là 80 sinh viên đăng ký (trừ các học phần Ngoại ngữ, Tin học); còn với lớp học của các học phần tự chọn thì chỉ được mở khi có ít nhất 30 sinh viên đăng ký. Hiện tại, ở Trường đại học Luật Hà Nội, sinh viên mới chỉ được chọn môn học và thời gian học, song trong tương lai, khi có đủ điều kiện các em có thể được chọn cả giảng viên mà mình muốn theo học.

4. Chương trình đào tạo

Một trong những điểm mấu chốt, quan trọng nhất trong xây dựng chương trình đào tạo theo tín chỉ là các chương trình đào tạo có tính liên thông cao - đào tạo tiềm năng. Một chương trình giáo dục đại học bao giờ cũng có khối kiến thức đại cương (toán, hóa, sinh...) và các môn chung như Mác - Lênin, ngoại ngữ, tin học... Các môn học này, cần được xây dựng trên một nền chung đáp ứng cho tất cả các ngành đào tạo trong một lĩnh vực đào tạo nhất định. Việc tổ chức xây dựng chương trình có tính liên thông cao như vậy sẽ tạo cho sinh viên một tiềm năng lớn và sinh viên có khả năng học liên thông các ngành trong cùng một lĩnh vực. Khi đã xây dựng được chương trình có tính liên thông cao, liên thông ngang giữa

các ngành trong cùng một khối và liên thông dọc từ cao đẳng lên đại học thì sinh viên rất có điều kiện để học cùng một lúc nhiều ngành và trong một thời gian nhất định có thể phần đầu học được hai hoặc ba bằng đại học. Trong chương trình học tín chỉ, yếu tố tự học là quan trọng nhất, thời lượng chương trình sẽ được rút ngắn để sinh viên có thời gian tự nghiên cứu tài liệu. Vì hạn chế thời lượng lên lớp, người giảng viên sẽ có một quỹ thời gian mở để tiếp xúc, hướng dẫn sinh viên, sẵn sàng giải đáp thắc mắc, trao đổi thêm khi sinh viên cần. Đây là yếu tố rất quan trọng của chương trình đào tạo tín chỉ. Độ dài của chương trình học được tính theo tín chỉ.

5. Phương pháp giảng dạy

Trong đào tạo theo tín chỉ, thời gian sinh viên có mặt ở trên lớp giảm đi và thay vào đó là thời gian tự học phải tăng lên. Theo quy định cứ 1 tín chỉ sinh viên phải tự học là 30 tiết. Yêu cầu về chuẩn đào tạo không hề thay đổi, trước mắt vẫn giữ nguyên và dần dần sẽ tăng lên theo yêu cầu của công tác kiểm định chất lượng đào tạo. Như vậy, thời gian giảng dạy trên lớp giảm đi, thời gian tự học của sinh viên tăng lên, trong khi không được giảm yêu cầu đánh giá. Vậy làm thế nào để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Mấu chốt của vấn đề là phải đổi mới phương pháp giảng dạy. Phải giảng dạy bằng phương pháp tích cực. Các phương pháp giảng dạy trong đào tạo theo niên chế vẫn tiếp tục được phát huy các điểm mạnh, nhưng tính tự giác, tích cực của sinh viên trong giờ học được đặt lên hàng đầu. Phương pháp dạy học nêu vấn đề được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành đào tạo. Để đáp ứng được yêu cầu này, sinh viên buộc phải nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp, giảng viên phải tăng cường cho sinh viên tự học ngay trên lớp bằng các biện pháp như nêu ra các vấn đề của bài giảng để sinh viên tìm ra cách giải quyết theo định hướng của giảng viên, nhằm rèn cho sinh viên có thói quen tự học; đồng thời, giảng

viên phải giúp sinh viên giải đáp tất cả các thắc mắc mà họ không tự giải đáp được trong quá trình chuẩn bị bài ở nhà, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.

Với phương thức đào tạo theo tín chỉ, thời gian giảng dạy lý thuyết trên lớp giảm đi rất nhiều. Ví dụ, với cùng một bài giảng lý thuyết, nếu theo phương thức đào tạo theo niên chế, giảng viên thường phải giảng trong 5 tiết. Bởi vì, họ phải giải thích cho sinh viên cặn kẽ, thông qua thuyết trình, đọc thoại; đồng thời phải chờ sinh viên ghi chép những ý chính bài giảng. Còn theo phương thức đào tạo theo tín chỉ, giảng viên chỉ lên lớp có 2 tiết nên đương nhiên không thể có thời gian "nghi" để chờ sinh viên ghi chép và cũng không thể giải thích tất cả các nội dung trong bài giảng. Vì thế, phương tiện hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên là máy tính xách tay và Projector trở nên vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, nếu với sự hỗ trợ của các phương tiện này mà giảng viên tăng tốc độ giảng lên để cho không bị "cháy giáo án" thì sinh viên sẽ bị quá tải về thông tin và không phân biệt được các vấn đề chính, vấn đề phụ của bài giảng, từ đó không hiểu bài, không hiểu bản chất của vấn đề, dẫn đến chất lượng học tập giảm sút. Vì vậy, giảng viên chỉ có thể chọn và tập trung giải thích một số nội dung chính, căn bản, các vấn đề còn lại phải định hướng cho sinh viên tự nghiên cứu theo tài liệu đã được chỉ dẫn trong đề cương môn học, và có thể giúp họ hiểu rõ, sâu hơn trong các giờ seminar, giờ tư vấn.

Khác với phương thức đào tạo theo niên chế, trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, chất lượng đào tạo phụ thuộc rất lớn vào sự định hướng của giảng viên và sự tự giác, tích cực học tập, tham gia vào bài giảng của sinh viên. Nếu sinh viên không tự giác, tích cực đọc tài liệu, nghiên cứu bài giảng trước ở nhà thì kiến thức họ thu lượm được ở trên lớp sẽ rất hạn chế và chất lượng đào tạo không bảo đảm. Đây là vấn đề rất nan giải khi tiến hành đào tạo

theo tín chỉ trong điều kiện ý thức tích cực, chủ động, tự giác trong học tập của phần lớn sinh viên còn thấp. Bởi vì, đây là phương thức giảng - dạy là học - hiểu, dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải được tham gia vào từng vấn đề của bài giảng cho đến khi tất cả các vấn đề của bài giảng được làm sáng tỏ, được giải quyết dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Do đó, trong phương thức đào tạo này, đề cương môn học là “vũ khí bất ly thân” của cả thầy lẫn trò, bởi vì trong đó đã chỉ rõ kế hoạch giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên trong cả học kỳ, trong từng tuần và trong từng giờ lên lớp hoặc seminar; những nội dung cụ thể cần trao đổi, giải quyết trong giờ lý thuyết, trong giờ seminar; những nội dung cần giải quyết trong giờ tự nghiên cứu, trong giờ làm việc nhóm... Tuy nhiên, nếu không có phương thức đánh giá phù hợp thì sẽ khó bảo đảm chất lượng đào tạo.

6. Phương pháp học tập

Sinh viên cần đăng ký kế hoạch học tập cho từng học kỳ, phải biết lựa chọn môn học và tiến độ học tập sao cho phù hợp với sở thích, năng lực và hoàn cảnh riêng. Sinh viên cần phải nắm chắc đề cương môn học, phải đáp ứng các yêu cầu đã được nêu trong đề cương, cần phải làm việc trên thư viện, phải làm việc nhóm nhiều hơn ngoài thời gian lên lớp (1 tín chỉ cần khoảng 30 tiết tự học), cần đọc tài liệu, chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp, thực hiện lịch học và thi của cá nhân trên cơ sở quy định của nhà trường, có thể dễ dàng học một lúc hai ngành.

Như trên đã nói, trong đào tạo theo tín chỉ, đối với sinh viên thì tự học là vấn đề quan trọng nhất, giờ lên lớp là giờ làm việc thực sự (chứ không phải đi nghe giảng, dự giờ). Muốn cho giờ học trên lớp có hiệu quả, sinh viên phải tự đọc tài liệu trước, không chỉ đọc giáo trình của cơ sở giáo dục đại học mình đang theo học, mà phải đọc cả giáo trình của cơ sở giáo dục đại học khác cùng ngành. Đồng thời, phải đọc thêm các tài liệu có liên quan, không đọc theo

ý mình mà phải đọc theo sự chỉ dẫn của đề cương môn học; không phải đọc cả quyển tài liệu mà chỉ đọc những vấn đề trực tiếp liên quan đến bài giảng. Các vấn đề liên quan đều phải được đánh dấu lại, ghi chép lại hoặc có chỉ dẫn rõ ràng để khi cần có thể tra cứu được ngay. Sinh viên học ở trên lớp bắt buộc phải ghi chép, hăng hái phát biểu, tích cực tìm hiểu, sẵn sàng khi được giảng viên kiểm tra, vấn đề gì chưa rõ phải hỏi giảng viên để làm rõ, nếu vẫn chưa hiểu thì trao đổi lại với nhóm học tập (thảo luận nhóm).

7. Phương pháp đánh giá kết quả

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ dựa vào kết quả đánh giá các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký), ví dụ, với sinh viên có lực học bình thường ở Trường đại học Luật Hà Nội có thể đăng ký tối thiểu là 14 và tối đa là 18 tín chỉ một học kỳ.

Phương thức đánh giá được quy định công khai trong đề cương môn học và thể hiện sự đánh giá cả quá trình học tập của sinh viên trong suốt học kỳ. Điểm tổng hợp học phần được tính căn cứ vào điểm đánh giá bộ phận và theo trọng số do nhà trường quy định. Ví dụ, ở Trường đại học Luật Hà Nội, các điểm đánh giá bộ phận và trọng số như sau:

- Điểm bài tập cá nhân (2 bài), trọng số: 15%.
- Điểm bài tập nhóm (2 bài), trọng số: 15%.
- Điểm bài tập lớn học kỳ (1 bài), trọng số: 20%.
- Điểm thi hết học phần trọng số: 50%.

Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

8. Một số ưu điểm và hạn chế rút ra từ thực hiện đào tạo theo tín chỉ ở trường đại học Luật Hà Nội

Sau một số năm thực hiện đào tạo theo tín chỉ ở Trường đại học Luật Hà Nội, có thể một số ưu điểm và hạn chế sau³:

8.1. Ưu điểm

Thứ nhất, việc giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên có kế hoạch rõ ràng, bài bản hơn trước. Cụ thể là, trong đề cương môn học đã chỉ rõ các vấn đề cần giải quyết trong giờ lý thuyết, những vấn đề cần giải quyết trong giờ thảo luận và trong Kế hoạch bài giảng đã chỉ rõ công việc cụ thể trong từng giờ đó. Những vấn đề cần giải quyết trong các buổi giảng lý thuyết và thảo luận về cơ bản là thống nhất giữa các giáo viên trong mỗi bộ môn, khắc phục được tình trạng thảo luận thiếu thống nhất trước đây. Một số bộ môn đã cung cấp đề tài các loại bài tập ngay từ tuần “không”, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên chủ động chọn lựa đề tài, sắp xếp thời gian để hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn.

Thứ hai, các tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của bộ môn có điều kiện được tập hợp, rà soát, chọn lựa và thông báo cụ thể cho sinh viên.

Thứ ba, sinh viên tích cực lên thư viện hơn so với trước đây. Ngay từ những tháng đầu triển khai đào tạo theo tín chỉ, số lượng sinh viên đến thư viện rất đông và thường xuyên. Số sinh viên đọc giáo trình và tài liệu tham khảo tăng lên rất nhiều và rải ra trong cả kỳ học chứ không chỉ tập trung vào những ngày ôn thi như trước đây. Đa số sinh viên được tập dượt, làm quen với việc tự nghiên cứu, với công việc và phương pháp nghiên cứu khoa học ngay từ năm thứ nhất. Khả năng viết, trình bày những hiểu biết của mình, lập luận để bảo vệ ý kiến cá nhân của sinh viên được trau dồi thông qua các lần làm bài tập cá nhân tuần và cuối kỳ. Số sinh viên bị thi lại ít hơn và điểm trung bình chung của môn học cao hơn so với đào tạo theo niên chế.

Thứ tư, số đầu sách trong thư viện tăng lên và ý thức làm việc của thủ thư tích cực hơn trước nhiều, thời gian mở cửa phục vụ người đọc của thư viện cũng tăng thêm.

Thứ năm, sự tương tác giữa giáo viên với sinh viên trong giờ giảng và thảo luận có xu hướng tăng hơn trước, mặc dù chưa được như mong muốn; quan hệ giữa giáo viên với sinh viên từng bước gần gũi, cởi mở và gần bó hơn trước.

Thứ sáu, ý thức chuẩn bị giáo án cho giờ giảng lý thuyết và giờ thảo luận của giáo viên tích cực hơn. Một số giáo viên đã cố gắng tìm tòi cách thức để làm cho bài giảng hấp dẫn hơn. Do đó, tạo ra sự hứng thú học tập của sinh viên trong một số giờ học, giờ thảo luận. Trong cuộc tọa đàm của sinh viên về “Đổi mới căn bản phương pháp học tập trong đào tạo theo học tín chỉ” do Ban Nữ công trường tổ chức, một số sinh viên cho rằng, trong các giờ giảng, thảo luận, giáo viên sử dụng máy chiếu theo phương thức “chơi mà học, học mà chơi” bằng cách thiết lập các trò chơi theo kiểu chiếc nón kỳ diệu, đoán chữ, điền từ còn thiếu vào ô trống... đã thực sự hấp dẫn, kích thích hứng thú của sinh viên. Ý thức tự giác học tập của sinh viên nhìn chung cao hơn trước.

Thứ bảy, ý thức làm việc tập thể của sinh viên có điều kiện được hình thành và trau dồi qua những buổi làm việc nhóm và làm bài tập nhóm.

8.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, việc thực hiện đào tạo theo tín chỉ thời gian qua đã bộc lộ một số điểm hạn chế sau:

Thứ nhất, trên thực tế, còn nhiều sinh viên không chuẩn bị bài, đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp dự giờ lý thuyết và thảo luận mà giảng viên không kiểm soát được, vì là không có thời gian kiểm tra từng người. Và nếu phát hiện ra những sinh viên đó, thì cũng không có biện pháp xử lý cho thích đáng bởi trong quy chế không đề cập đến. Trong điều kiện sinh viên phải tự học là chính, giờ lên lớp quá ít mà sinh viên không chịu đọc tài liệu thì hầu như không nắm được kiến thức, chất lượng đào tạo khó bảo đảm.

Thứ hai, hiện tại giảng viên vẫn chưa tìm được phương thức nào có hiệu quả để kiểm tra và đánh giá kết quả các giờ tin chỉ tự nghiên cứu và làm việc nhóm ở nhà của sinh viên. Một số giáo viên đã sử dụng giải pháp là yêu cầu sinh viên nộp bài viết tóm tắt nội dung vấn đề được giao tự nghiên cứu và làm việc nhóm để chấm điểm, nhưng rồi điểm đó cũng không được tính đến, nên có hiện tượng sinh viên chỉ làm chiếu lệ, đối phó.

Thứ ba, việc làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm của sinh viên chất lượng cũng chưa cao, vì phần lớn bài viết của sinh viên đơn thuần chỉ là sự sao chép tài liệu tham khảo hoặc sao chép bài của người khác, hoặc thậm chí có thể là mua bài ở hàng photo mà giảng viên không thể kiểm soát được. Thêm vào đó, điểm bài tập nhóm thì hầu như không có sự phân hoá nhiều, không thể đánh giá đúng năng lực, thái độ của từng sinh viên.

Thứ tư, từ khi áp dụng hình thức đào tạo theo tín chỉ, đa số sinh viên lười học thuộc bài, chỉ tập trung sao chép tài liệu. Kết quả là, điểm thi kết thúc học phần thường thấp, phần lớn sinh viên chỉ đạt điểm trung bình hoặc dưới trung bình, số sinh viên đạt điểm khá và giỏi rất ít, thậm chí ít hơn nhiều so với khi thực hiện đào tạo theo niên chế.

Thứ năm, trong những giờ thảo luận, số lượng sinh viên tham gia ít, mà giáo viên lại điểm danh thường xuyên, nên sinh viên đi học đầy đủ; còn giờ lý thuyết không có người điểm danh nên sinh viên nghỉ học rất nhiều, có ca chỉ có khoảng 1/4 đến 1/3 số sinh viên theo danh sách.

Thứ sáu, nếu học liệu không được thu thập đầy đủ và rà soát kỹ càng thì dễ dẫn đến tình trạng sắp xếp nhầm vị trí của học liệu, có tài liệu đáng lẽ cần được xếp vào loại tài liệu tham khảo bắt buộc thì lại đưa vào loại tài liệu tham khảo lựa chọn và ngược lại.

Thứ bảy, phương pháp giảng, thảo luận của một số giảng viên chưa được thay đổi nhiều cho phù hợp với yêu cầu đào tạo, các phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực có lúc chưa được triển khai đồng bộ và phát huy tác dụng, do đó đã ảnh hưởng đến chất lượng giờ giảng.

Thứ tám, đào tạo theo tín chỉ là phương thức đào tạo đòi hỏi ý thức tự giác học tập của sinh viên rất cao, vì thời gian nghe giảng lý thuyết của sinh viên ở trên lớp ít hơn trước nhiều, nếu họ không chịu tự nghiên cứu, không tự giác đọc giáo trình, tài liệu tham khảo thì họ không thể hiểu và nắm được những khái niệm cơ bản nhất. Chính vì vậy, sự tương tác giữa giáo viên và sinh viên trong giờ giảng vẫn hạn chế. Nhiều khi do sinh viên chưa đọc giáo trình nên không có nội dung gì mà đặt câu hỏi và cũng không trả lời được các câu hỏi của giáo viên. Trước thực trạng này, có giáo viên đã đề nghị áp dụng biện pháp là nếu kiểm tra mà phát hiện sinh viên nào không chuẩn bị bài trước khi đến lớp thì mời ra khỏi lớp và coi là vắng mặt trong buổi nghe giảng hoặc thảo luận đó.

Thứ chín, một số giáo viên chưa bảo đảm được tiến độ giảng và thảo luận đúng như trong đề cương, vì quá say sưa với một vấn đề nào đó, dẫn đến không còn thời gian và phải lược bỏ một vài vấn đề nằm trong nội dung giảng dạy.

Thứ mười, một số đề tài bài tập mà bộ môn cung cấp cho sinh viên chưa thực sự hợp lý. Một số bộ môn cung cấp tên đề tài bài tập cho sinh viên quá muộn, thời hạn nộp bài ngắn; khoảng thời gian giữa các loại bài tập quá gần gây khó khăn cho sinh viên trong việc hoàn thành bài tập đúng hạn. Chất lượng các loại bài tập của sinh viên nhìn chung chưa cao. Đối với các bài tập cá nhân tuần và bài tập lớn học kỳ thì có hiện tượng nhiều sinh viên chọn cùng một đề tài và chép cùng một tài liệu, nên nhiều bài làm của sinh viên giống nhau.

9. Kết luận

Trong “Quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2001-2010” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 47/2001/QĐ-TTg có nêu: các trường cần “*thực hiện quy trình đào tạo linh hoạt, từng bước chuyển việc tổ chức quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ*”. Việc chuyển đổi đào tạo theo tín chỉ là xu hướng của đổi mới giáo dục đại học tiên tiến. Người học với vai trò trung tâm của mình hoàn toàn chủ động việc học, người dạy cần phải nâng cao năng lực chuyên môn theo phổ rộng để đáp ứng việc khối lượng kiến thức ngày càng phong phú khi lên lớp. Quan trọng hơn cả là cách làm này sẽ đem lại hiệu quả tích cực, đó là nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Vấn đề cốt lõi của học chế tín chỉ là: “Thầy phải thay đổi cách dạy, sinh viên phải thay đổi cách học và Ban giám hiệu nhà trường phải thay đổi cách quản lý”♦

Chú thích

1. Quyết định số 43/2007/ QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007, về “*Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”.
2. Quyết định số 65/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/11/2007 *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học*.
3. Nguyễn Thị Hồi, 2008. *Một số ưu điểm và hạn chế trong quá trình thực hiện đào tạo theo tín chỉ các môn luật tại Trường đại học Luật Hà Nội*. Thực tiễn và kinh nghiệm giảng dạy theo tín chỉ tại Trường đại học Luật Hà Nội - 2008.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về *đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*.
2. Nghị quyết số 05- NQ/BCSD ngày 06/01/2010 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về *đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*.
3. Lâm Quang Thiệp, 2006. *Về việc áp dụng học chế tín chỉ trên thế giới và ở Việt Nam*. Tọa đàm về đào tạo theo tín chỉ ở Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Ngô Doãn Đãi, 2005. *Cơ cấu lại chương trình đào tạo để chuyển từ hệ đào tạo theo niên chế sang chương trình đào tạo theo tín chỉ ở các trường đại học hiện nay*. Báo cáo tại Hội thảo “Chính sách nghiên cứu và đào tạo trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội và Quỹ Rosa Luxemburg phối hợp tổ chức; Hà Nội, 8-9/12/2005.
5. Phạm Quang Tiến, 2011. *Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Viện Khoa học giáo dục Việt Nam và Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế, Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr. 147-157.
6. Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hồi, 2011. *Thực trạng và một số giải pháp đổi mới căn bản giáo dục đại học Việt Nam trong hội nhập quốc tế*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Giáo dục đại học: Hiện tại và tương lai, Đại học Sư phạm Hà Nội II, tr. 246-254.
7. Phạm Quang Tiến, 2010. *Sự cần thiết của việc đổi mới quản lý nhà nước về hệ thống giáo dục quốc dân trong quá trình hội nhập quốc tế*. Tạp chí *Quản lý giáo dục* tháng 9/2010.